TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2025
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Vấn và ông Nguyễn Xuân Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Đoàn Thùy An, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, cơ sở 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về "*Ly hôn*", giữa các đương sự:

*/ ***Nguyên đơn:*** Chị Hoàng Thị Thu T; Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: Phòng 103, tòa C, đường D 9-1, quận G, tỉnh Gyeongsangbuk-do, Hàn Quốc – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

*/ ***Bị đơn:*** Anh Trần Tấn T; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-6-2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu T trình bày:***

Chị và anh Trần Tấn T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 25/04/2017 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau một thời gian chung sống, đến tháng 02/2021 chị T sang làm việc ở Hàn Quốc, do khoảng cách về địa lý nên phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm. Mặc dù đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện được yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Hai bên có 01 con chung là cháu Trần Khôi N, sinh ngày 20/10/2017 đăng ký tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông theo Trích lục khai sinh (Bản sao) số 333/TLKS-BS ngày 19/12/2017. Nguyên đơn tự nguyên nuôi cháu cháu N đến khi trưởng thành và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

****/ Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Tấn T trình bày:***

Anh thừa nhận việc kết hôn và mâu thuẫn sau khi chung sống như chị T trình bày, hiện chị T đang sinh sống tại Hàn Quốc, hai vợ chồng đã sống ly thân nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với yêu cầu của chị T.

****/ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:***

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung vụ án, phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Trần Tấn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn nên quan hệ pháp luật là "*Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn đang sinh sống tại Hàn Quốc; bị đơn đang sinh sống tại xã Q, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm a khoản 2 Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.3]. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh T đăng ký kết hôn ngày 25-4-2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (nay là tỉnh Lâm Đồng) trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau một thời gian ngắn thì chị T sang Hàn Quốc sinh sống và làm việc. Do khoảng cách địa lý và sự chênh lệch mũi giờ nên cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện nay chị T vẫn đang làm việc và sinh sống tại Hàn Quốc và anh chị đã sống ly thân, không thường xuyên liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, cả chị T và anh T đều có nguyện vọng được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn với anh T.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Khôi N, sinh ngày 20/10/2017 đăng ký tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông theo Trích lục khai sinh (Bản sao) số 333/TLKS-BS ngày 19/12/2017.

Nhận thấy, cháu Trần Khôi N có nguyện vọng được ở với mẹ, chị T cũng xin được tự nguyện nuôi con, không yêu cầu cấp. Tại bản tự khai ngày 04/03/2025, anh T cũng đồng ý giao con chung là cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên, không cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, đúng quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy cần giao cháu Trần Khôi N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình khi có yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Trần Tấn T xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 71; khoản 2 Điều 244 của BLTTDS; Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024

của HĐTPTANDTC; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu T.

1.1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Tấn T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Trần Khôi N, sinh ngày 20/10/2017 cho chị Hoàng Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Anh Trần Tấn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002331 ngày 03/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông (nay là Thi Hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, anh Trần Tấn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 (*một*) tháng, kể từ ngày tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa PT TAND Tối cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã N, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh